

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Lê Mỹ	Ái				3	12	1993	Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH00001		92.50	68.75	67.50		TTH00381
2	Nguyễn	An	3	6	1984				Phú Xuân, Phú Vang, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH00008		VT	VT	VT		TTH00283
3	Nguyễn Thái	An	8	5	1989				Huyện Đông Hưng, Thái bình	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH00010		VT	VT	VT		TTH00380
4	Lê Đức Tuấn	Anh	23	5	1993				Hải Ba, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH00051		VT	VT	VT		TTH00301
5	Lê Ngọc Trâm	Anh				22	2	1995	Phú Đa, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH00052		72.50	37.50	77.50		TTH00402
6	Mai Thị Tuyết	Anh				21	11	1990	Hương Khê, Hà Tĩnh	Học viện Hàng không	Quản trị doanh nghiệp		TTH00059		55.00	75.00	92.50		TTH00309
7	Nguyễn Hữu Tú	Anh				28	8	1993	Vĩnh Long, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH00064		45.00	46.25	45.00		TTH00073
8	Nguyễn Hữu Tuấn	Anh	28	6	1991				Văn Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Tin học kinh tế		TTH00065		80.00	42.50	67.50		TTH00041
9	Nguyễn Thị Hoàng	Anh				13	5	1987	An Đông, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học dân lập Phú Xuân	Tài chính ngân hàng		TTH00072		VT	VT	VT		TTH00294
10	Nguyễn Thị Kiều	Anh				19	2	1989	Đồng Đình, Đồng Hới, Quảng Bình	ĐH dân lập Duy Tân	Kế toán	Con TB	TTH00074	20	95.00	MT	67.50		TTH00203
11	Nguyễn Thị Vân	Anh				27	11	1993	Phong Thủy, Lê Thủy, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH00093		97.50	51.25	77.50		TTH00049
12	Nguyễn Thị Vân	Anh				21	5	1991	Tiến Hòa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học Quảng Bình	Kế toán		TTH00091		VT	VT	VT		TTH00233
13	Phạm Thị Ngọc	Anh				19	3	1987	Hương Long, Huế	Học viện HCQG	Tài chính Ngân hàng		TTH00099		82.50	38.75	70.00		TTH00232
14	Tôn Nữ Trâm	Anh				5	7	1989	Vỹ Dạ, TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế Nông nghiệp		TTH00110		32.50	57.50	52.50		TTH00285
15	Trần Thị Quỳnh	Anh				23	8	1989	Hương Ván, Hương Trà, TT Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Tài chính Ngân hàng		TTH00113		35.00	52.50	72.50		TTH00350
16	Võ Thị Thủy	Anh				18	9	1991	Phú Thượng, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH00127		VT	VT	VT		TTH00329
17	Vũ Thị Kim	Anh				13	11	1987	Yên Phú, Yên Mô, Ninh Bình	ĐHKT Huế	Tài chính ngân hàng		TTH00128		85.00	MT	70.00		TTH00170
18	Lê Thị Ngọc	Ánh				27	6	1989	Vĩnh Phú, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Trường ĐH Kinh tế TP HCM	Chính sách công		TTH00131		75.00	46.25	82.50		TTH00039
19	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh				10	10	1991	Hương Vinh, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH00135		77.50	62.50	70.00		TTH00202
20	Nguyễn Thị Phúc	Ánh				8	2	1993	Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Trường ĐH Kinh tế TP HCM	Kế toán doanh nghiệp		TTH00136		62.50	52.50	57.50		TTH00235
21	Nguyễn Thương	Bách	7	12	1993				An Hòa, TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH00146		87.50	33.75	65.00		TTH00147
22	Nguyễn Văn	Bảo				16	8	1987	Hồ xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH00152		VT	VT	VT		TTH00362
23	Lê Thị Cẩm	Bình				12	4	1993	La Chữ, Hương Chữ, Hương Trà, TT Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH00165		62.50	42.50	57.50		TTH00107
24	Nguyễn Song Thị Hưng	Bình				12	9	1994	Lộc Điền, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Tài chính doanh nghiệp		TTH00167		90.00	61.25	87.50		TTH00071
25	Nguyễn Thị Thanh	Bình				25	4	1995	Đức An, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Luật- Đại học Huế	Luật Kinh tế		TTH00170		65.00	27.50	45.00		TTH00397
26	Thái Thị Ngọc	Cầm				26	4	1991	Trúc Lâm, Hương Long, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH00184		VT	VT	VT		TTH00299
27	Đỗ Thị Hồng	Cần				11	9	1993	Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		TTH00185		VT	VT	VT		TTH00136
28	Hà Thị Phương	Châu				4	9	1994	La Chữ, Hương Chữ, Hương Trà, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		TTH00192		75.00	33.75	70.00		TTH00077

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV ừ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
29	Hoàng Thị Mỹ	Châu				27	7	1993	Tổ dân phố 3, Phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		TTH00193		VT	VT	VT		TTH00246
30	Trần Thị Ngọc	Châu				7	1	1992	Phú Mỹ, Phú vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH00203		70.00	43.75	65.00		TTH00086
31	Lê Thị Kim	Chi				8	2	1990	Lộc Trì, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản lý kinh tế		TTH00208		VT	VT	VT		TTH00085
32	Ngô Thị Phương	Chi				20	1	1983	Quảng Phước, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị Kinh doanh		TTH00210		82.50	46.25	72.50		TTH00183
33	Nguyễn Thị Kim	Chi				1	4	1986	Hương Chữ, Hương Trà, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị Kinh doanh		TTH00214		67.50	MT	70.00		TTH00175
34	Nguyễn Thị Thủy	Chi				6	10	1991	Quảng Lợi, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Kế toán		TTH00219		52.50	25.00	60.00		TTH00389
35	Nguyễn Quốc Khánh	Chinh	28	5	1994				Vĩnh Tú, Vĩnh Linh, Quảng Trị	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH00233		37.50	31.25	47.50		TTH00006
36	Nguyễn Đức	Chung	16	1	1988				Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính Ngân hàng	Con TB	TTH00238	20	85.00	47.50	90.00		TTH00180
37	Nguyễn Đình	Cường	5	7	1989				THủy Xuân, Huế , Thừa Thiên Huế	ĐH Mở TP HCM	Tài chính ngân hàng		TTH00254		VT	VT	VT		TTH00392
38	Nguyễn Trí Quốc	Cường	10	8	1993				P Thủy Biều, TP Huế	ĐH Kinh tế Huế	Hệ Thống thông tin kinh tế		TTH00258		25.00	42.50	47.50		TTH00277
39	Bùi Văn	Danh	3	7	1993				Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		TTH00266		47.50	68.75	75.00		TTH00190
40	Lê Thị Anh	Đào				8	5	1994	Phường An Đông, TP Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH00270		95.00	71.25	72.50		TTH00014
41	Trịnh Quốc	Đạt	27	2	1993				Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH00282		57.50	51.25	62.50		TTH00122
42	Võ văn	Đạt	25	7	1993				Thủy Phương, Hương Thủy, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tin học kinh tế		TTH00285		42.50	32.50	47.50		TTH00211
43	Nguyễn Thị Ái	Diễm				19	5	1992	Vĩnh Phú, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Luật Huế	Luật hành chính nhà nước		TTH00291		52.50	32.50	45.00		TTH00267
44	Nguyễn Công	Đoàn	30	1	1988				Tổ dân phố Bồn Phở, phường Hương An, Thị xã Hương Trà, TT Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Tài chính ngân hàng		TTH00318		VT	VT	VT		TTH00120
45	Dương Văn	Đức				10	6	1983	Thôn Trung, Nội Hoàng, Yên Dũng, Bắc Giang	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH00323		55.00	27.50	50.00		TTH00272
46	Văn Trần Hoài	Đức	17	3	1987				Quảng Lợi, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị Kinh doanh tổng hợp		TTH00338		47.50	MT	37.50		TTH00178
47	La Thị Thủy	Dung				23	10	1992	Vĩnh Hà, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Song ngành kinh tế nông nghiệp-tài chính		TTH00350		75.00	MT	85.00		TTH00040
48	Lê Thị Lệ	Dung				15	12	1994	Xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Bình	Đại học Luật- ĐH Huế	Luật Hành chính		TTH00353		80.00	40.00	67.50		TTH00115
49	Nguyễn Thị Phương	Dung				16	3	1994	Vĩnh Hưng, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kiểm toán		TTH00369		45.00	27.50	32.50		TTH00056
50	Tạ Nữ Thủy	Dung				19	6	1994	Quảng Vắn, Ba Đồn, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH00379		42.50	43.75	57.50		TTH00365
51	Trần Phương Quỳnh	Dung				28	9	1993	Lộc Tiến, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học Tài chính - Marketing	Thẩm định giá		TTH00382		55.00	70.00	72.50		TTH00090
52	Võ Thị Ngọc	Dung				18	2	1994	Lộc Bồn, Phú Lộc, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH00387		VT	VT	VT		TTH00087
53	Đặng Văn	Dũng	8	4	1988				Hương An, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Nha Trang	Kế toán doanh nghiệp		TTH00389		62.50	48.75	32.50		TTH00363
54	Trần Nguyên	Dũng				22	12	1986	Kỷ Anh, Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Kế toán		TTH00403		67.50	28.75	50.00		TTH00373
55	Đặng Thị Thủy	Dương				30	3	1991	Phú Xuân, Phú vang, TT Huế	Đại học Phú Xuân Huế	Kế toán		TTH00407		VT	VT	VT		TTH00182
56	Hồ Thị Thủy	Dương				6	2	1990	Thủy Vân, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		TTH00410		57.50	40.00	65.00		TTH00199
57	Lê Ngọc Thủy	Dương				30	10	1995	Thủy Phú, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Trường đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH00413		37.50	52.50	47.50		TTH00328
58	Ngô Nữ Trùng	Dương				5	1	1990	Sơn Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		TTH00416		VT	VT	VT		TTH00268

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVu CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
59	Nguyễn Thị Thủy	Dương				16	9	1985	khu vực 1, xã thủy vân, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa thiên Huế	Đại học Ngân hàng Hồ chí minh	Kinh tế tài chính ngân hàng		TTH00419		VT	VT	VT		TTH00316
60	Trần Thị Thủy	Dương				22	7	1994	Xã Phú Thượng, Huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Hệ thống thông tin quản lý		TTH00428		52.50	26.25	57.50		TTH00342
61	Lê Thị Mỹ	Duyên				20	4	1987	Thôn Thọ Lộc 1, xã Nhơn Thọ, Thị xã An Nhơn, Bình Định	Đại học Quốc tế Hồng bàng-TPHCM	Kế toán kiểm toán		TTH00441		42.50	27.50	32.50		TTH00212
62	Nguyễn Thị Thủy	Duyên				25	8	1994	Thủy An, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Thông kê kinh doanh		TTH00451		85.00	43.75	75.00		TTH00035
63	Ngô Thị Hồng	Gấm				4	3	1983	Vĩnh Hiền, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán doanh nghiệp		TTH00462		VT	MT	VT		TTH00376
64	Lê Thị Hương	Giang				24	10	1994	Phú Phong, Hương Khê, Hà Tĩnh	Đại học Luật -ĐH Huế	Luật Hợp đồng		TTH00476		VT	VT	VT		TTH00185
65	Nguyễn Thị Hương	Giang				17	10	1990	Phú Diên, Phú Vang, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế chính trị		TTH00483		VT	VT	VT		TTH00348
66	Thái Thị Hương	Giang				7	1	1993	Quảng Phú- Quảng Điền- TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH00494		47.50	47.50	55.00		TTH00167
67	Cao Thị Ngọc	Hà				16	6	1991	Quảng Long, Quảng Hải, Quảng Trach, Quảng Bình	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH00510		47.50	35.00	50.00		TTH00119
68	Hầu Thị Việt	Hà				11	2	1985	Vĩnh Mỹ, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH00513		VT	VT	VT		TTH00331
69	Lê Khánh	Hà	10	11	1987				Xã Bắc Sơn, huyện A Lưới, Tỉnh TT Huế	Đại học Khoa học Huế	Luật Hành chính	DTTS	TTH00520	20	VT	VT	VT		TTH00179
70	Nguyễn Thị Thanh	Hà				6	4	1995	xã Hương Phong, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Luật- Đại học Huế	Luật học		TTH00532		90.00	92.50	90.00		TTH00399
71	Phạm Lê Thanh	Hà				9	3	1992	Quảng Văn, Quảng Trach, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH00543		VT	VT	VT		TTH00385
72	Võ thị Ngọc	Hà				14	3	1993	Đông Thủy,Dương Thủy, lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Luật- ĐH Huế	Luật Hành chính		TTH00561		45.00	25.00	52.50		TTH00302
73	Nguyễn Trịnh	Hải				14	7	1990	An Ninh Thượng, Hương Long, TP Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH00573		VT	VT	VT		TTH00010
74	Châu Lê Ngọc	Hằng				27	3	1988	Quảng Thành, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH KTế-Luật thuộc ĐHQG TP HCM	Kinh tế đối ngoại		TTH00589		97.50	76.25	80.00		TTH00047
75	Hồ thị Thu	Hằng				28	6	1994	Thôn Sơn Tùng, xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Ngân hàng		TTH00592		60.00	47.50	52.50		TTH00149
76	Lê Thị Diệu	Hằng				12	1	1991	Phong An, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH00598		77.50	47.50	72.50		TTH00198
77	Lê Thị Thanh	Hằng				26	4	1993	Hoảng Quý, Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH00600		35.00	48.75	30.00		TTH00353
78	Nguyễn Diễm	Hằng				27	1	1992	Phú Đa, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH00607		72.50	61.25	72.50		TTH00196
79	Nguyễn Thị	Hằng				28	2	1993	Xã Quảng Thịnh, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật kinh doanh		TTH00611		77.50	48.75	67.50		TTH00129
80	Nguyễn Thị Thúy	Hằng				29	3	1991	Hương Hồ, Hương trà, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH00619		VT	VT	VT		TTH00242
81	Trần Thị Nguyệt	Hằng				29	6	1991	Hương Vinh, Hương Trà, Thành phố Huế	Trường Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH00639		72.50	68.75	65.00		TTH00094
82	Văn Thị	Hằng				8	12	1992	Tổ 6, phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế chính trị		TTH00647		VT	VT	VT		TTH00230
83	Nguyễn Thị	Hanh				20	6	1989	Hương Chữ, Thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học dân lập Phú Xuân	Kế toán doanh nghiệp		TTH00660		VT	VT	VT		TTH00341
84	Nguyễn Thị Nguyên	hanh				1	4	1988	An Lưu, Phú Mỹ, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH00674		VT	VT	VT		TTH00215
85	Phan Ngọc	Hanh				4	5	1987	Quảng Phước, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH00678		62.50	57.50	70.00		TTH00060
86	Lê Thị Diệu	Hiền				1	7	1991	Sơn Bình, Hương Sơn, Hà Tĩnh	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH00718		50.00	87.50	72.50		TTH00038
87	Nguyễn Thị Quý	Hiền				26	3	1993	Cánh Dương, Quảng Trach, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH00732		90.00	37.50	72.50		TTH00061

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
88	Võ Thị Thu	Hiền				11	5	1994	Phú Đa, Phú vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH00764		62.50	61.25	40.00		TTH00070
89	Hà Quang	Hiệp	25	10	1992				Quảng Lợi, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH00767		67.50	51.25	70.00		TTH00347
90	Lê Hữu Minh	Hiếu				27	10	1989	An Cựu, Tp Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính Ngân hàng		TTH00775		VT	VT	VT		TTH00383
91	Trương Minh	Hiếu	11	1	1994				Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế	Con TB	TTH00783	20	90.00	58.75	72.50		TTH00050
92	Hoàng thị	Hoa				10	7	1984	Xã Trường lộc, huyện Can Lộc,tỉnh Hà Tĩnh	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán doanh nghiệp		TTH00789		22.50	22.50	37.50		TTH00116
93	Nguyễn Thị	Hoa				3	9	1990	Thanh Chương, Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	TTH00802	20	77.50	47.50	80.00		TTH00213
94	Mai Khánh	Hòa	23	9	1989				Quảng Sơn, Quảng Trạch, Quảng Bình	ĐH ngân hàng TP HCM	Tài chính ngân hàng		TTH00824		52.50	52.50	67.50		TTH00369
95	Ngô Thanh	Hòa	9	10	1986				Hải Lệ, Hải Lăng, Quảng Trị	ĐH Công đoàn Hà Nội	Quản trị kinh doanh		TTH00825		35.00	46.25	55.00		TTH00201
96	Phạm Thái	Hòa	1	12	1984				Hương Vãn, Hương Trà, thành phố Huế	Đại học Khoa học Huế	Luật	Con TB	TTH00831	20	65.00	25.00	70.00		TTH00300
97	Nguyễn Trần	Hoàng	17	5	1989				Đức Thọ, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính Ngân hàng		TTH00862		75.00	48.75	72.50		TTH00243
98	Lê Thị	Huê				1	3	1990	Quảng Ngạn, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH00897		90.00	46.25	80.00		TTH00020
99	Đào Thị	Huế				12	4	1990	Nghĩa Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Đại Học Huế	Luật dân sự		TTH00899		77.50	30.00	30.00		TTH00055
100	Võ Thị	Huế				17	3	1990	Hải Chánh, Hải Lăng, Quảng Trị	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH00902		VT	VT	VT		TTH00371
101	Hoàng Thanh	Huê				15	4	1990	Lộc Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		TTH00905		VT	VT	VT		TTH00231
102	Phạm Thị	Huê				14	9	1993	Quảng Thọ, Ba Đồn, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH00913		75.00	41.25	42.50		TTH00069
103	Phạm Thị	Huê				1	1	1989	Vinh Hà, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH00912		90.00	66.25	72.50		TTH00037
104	Hà Thúc Minh	Hùng	29	8	1989				Hương Chũr, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH00922		47.50	66.25	55.00		TTH00314
105	Hoàng Nguyễn Mạnh	Hùng	19	9	1991				Phong Xuân, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Tài chính Ngân hàng		TTH00923		VT	VT	VT		TTH00319
106	Văn Đức Tiến	Hưng	23	3	1993				Quảng Thái, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH00942		62.50	43.75	82.50		TTH00269
107	Hồ Thị Hồng	Hương				26	4	1991	Xã Điện Phong, Huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Trường Đại học Kinh tế Luật - Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán		TTH00947		70.00	61.25	70.00		TTH00162
108	Nguyễn Thị Diệu	Hương				24	11	1989	Hương Toàn, Hương Trà, Thành phố Huế	Đại học Phú Xuân	Tài chính ngân hàng		TTH00972		VT	VT	VT		TTH00228
109	Nguyễn Thị Thùy	Hương				2	2	1990	Xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		TTH00983		VT	VT	VT		TTH00194
110	Vũ Thị Cẩm	Hương				11	8	1993	Lam Sơn, Thanh Miện, Hải Dương	ĐH Mohammed V-Rabat	Quản lý kinh tế		TTH00991		87.50	MT	82.50		TTH00032
111	Trần Trọng	Hữu	13	11	1993				Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Luật Huế	Luật hợp đồng		TTH01002		55.00	26.25	67.50		TTH00130
112	Đình Minh	Huy	19	1	1994				TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kiểm toán		TTH01003		VT	VT	VT		TTH00364
113	Nguyễn Ngọc	Huy	29	3	1990				Hương Hồ, Hương Trà, Huế	Đại học Kinh tế Huế	Hệ thống thông tin kinh tế		TTH01007		VT	VT	VT		TTH00379
114	Nguyễn Võ Minh	Huy	20	12	1989				Phú cát, TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH01008		VT	VT	VT		TTH00111
115	Trần Anh	Huy	28	10	1987				Phú Thượng, Phú Vang, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	QTKD Thương mại		TTH01010		67.50	55.00	67.50		TTH00251
116	Bùi Thị Thanh	Huyền				4	11	1988	Văn sơn - Đô Lương - Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính - Ngân Hàng		TTH01017		VT	VT	VT		TTH00123
117	Đỗ Thị	Huyền				3	10	1983	Xã Hà Vinh, Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		TTH01022		70.00	36.25	57.50		TTH00153
118	Hồ Thị Diệu	Huyền				23	9	1991	Phong Chương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH01028		VT	VT	VT		TTH00236
119	Lê Thị Thanh	Huyền				6	6	1990	Thủy Dương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh-thương mại		TTH01041		VT	VT	VT		TTH00367

ngt

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV/CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
120	Phạm Thu	Huyền				25	8	1993	Gia Viễn - Ninh Bình	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH01067		VT	VT	VT		TTH00241
121	Lê Hồng	Khanh	13	1	1987				Phong Chương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế TP HCM	Tài chính nhà nước		TTH01085		85.00	26.25	75.00		TTH00169
122	Lê Nhật	Khánh				3	9	1995	Phủ Diên, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01092		VT	VT	VT		TTH00398
123	Phạm Thị Minh	Khuê				21	3	1979	Cẩm Nam, Hội An, Quảng nam	Đại học Kinh tế -ĐH Đà Nẵng	Ngân hàng		TTH01103		67.50	MT	67.50		TTH00256
124	Đặng Thị Uyên	Khuông				16	2	1993	Quảng Lợi, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH01105		VT	VT	VT		TTH00273
125	Hoàng Thị Ngọc	Khuông				4	6	1992	Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH01106		VT	VT	VT		TTH00393
126	Lê Tuấn	Kiệt	4	8	1995				Quảng Điền, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH01116		87.50	47.50	72.50		TTH00332
127	Lê Thị Thiên	Kiều				2	12	1990	Thủy Dương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán		TTH01117		VT	VT	VT		TTH00058
128	Nguyễn Thanh	Lâm	12	11	1993				Quảng Phong, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH01140		75.00	47.50	62.50		TTH00134
129	Đặng Thị Hoàng	Lan				14	12	1989	Trường An, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH01146		VT	VT	VT		TTH00366
130	Dương Hoàng	Lan				18	5	1984	Điền Môn, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán		TTH01148		57.50	68.75	60.00		TTH00234
131	Dương Đức	Lãnh	18	3	1994				Hương Xuân, Hương Trà, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị Kinh doanh thương mại		TTH01162		52.50	40.00	72.50		TTH00181
132	Nguyễn Kim	Liên				20	11	1993	Hương Vinh, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Huế	Quản trị kinh doanh du lịch		TTH01199		VT	VT	VT		TTH00387
133	Nguyễn Thị Hồng	Liên				6	6	1992	Xã Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH01205		70.00	80.00	67.50		TTH00247
134	Trần Thị Hồng	Liên				4	8	1992	Khu phố 1, Phường ba Đồn, Thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01215		VT	VT	VT		TTH00219
135	Trần Thị Hồng	Liên				17	5	1990	Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	ĐH Huế	Quản trị kinh doanh		TTH01214		75.00	MT	80.00		TTH00031
136	Võ Thị Phương	Liên				6	5	1993	Quảng Phú, Quảng Điền, TT Huế	Đại học Phú Xuân Huế	Kế toán		TTH01219		72.50	37.50	65.00		TTH00237
137	Đoàn Thị Mỹ	Linh				2	7	1994	Hương Vinh, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh-Marketing		TTH01232		55.00	38.75	67.50		TTH00280
138	Nguyễn Thị Ngọc	Linh				10	2	1985	Giáp Đông, Hương Toàn, Thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH01275		62.50	33.75	67.50		TTH00210
139	Phan Thị Mỹ	Linh				11	6	1991	Thủy Vân, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH01306		VT	VT	VT		TTH00344
140	Trần Thị Thùy	Linh				8	8	1990	Xã Kim Liên, Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Đại học dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH01322		70.00	57.50	55.00		TTH00278
141	Nguyễn Phi	Loan				3	9	1995	xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kiểm toán	Con TB	TTH01344	20	95.00	53.75	70.00		TTH00390
142	Nguyễn Thị Phương	Loan				6	6	1995	Quảng Phước, Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01352		97.50	47.50	92.50		TTH00396
143	Nguyễn Thị Phương	Loan				25	6	1986	Thôn Quy Lai, xã Phú Thanh, huyện Phú vang, tỉnh TT Huế	Đại học Ngân hàng TP HCM	Tài chính ngân hàng		TTH01351		VT	VT	VT		TTH00117
144	Phan Thị Tổ	Loan				5	7	1980	Quảng Phú, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Huế	Quản trị kinh doanh	Con TB	TTH01356	20	VT	VT	VT		TTH00171
145	Nguyễn Hữu	Long	30	11	1993				Hương Long, TP Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH01370		90.00	31.25	72.50		TTH00062
146	Lê Văn	Lương	10	2	1994				Quảng Phước, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật hành chính		TTH01378		VT	VT	VT		TTH00156
147	Hồ Thị Ly	Ly				2	4	1993	Phước Linh, Phước Mỹ, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	ĐH tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp		TTH01396		VT	VT	VT		TTH00222
148	Hoàng Thị Hoài	Ly				29	4	1991	Quảng Ngọc, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại học Luật -ĐH Huế	Luật dân sự		TTH01397		52.50	25.00	22.50		TTH00217
149	Lê Thị Diệu	Ly				20	9	1994	Hương Chũr, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH01402		42.50	57.50	62.50		TTH00223

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
150	Lê Thị Ngọc	Ly				18	3	1991	Kim Long, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán Doanh nghiệp		TTH01404		80.00	52.50	72.50		TTH00161
151	Nguyễn Thị Mai	Ly				26	9	1992	Gio Quang, Gio Linh, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01418		VT	VT	VT		TTH00260
152	Ngô Thị Như	Mai				10	8	1990	Thị trấn Sịa, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Vinh	Kế toán		TTH01442		62.50	61.25	50.00		TTH00128
153	Nguyễn Thị Tuyết	Mai				31	1	1993	Xã Lộc Bồn, Huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật kinh doanh		TTH01451		87.50	62.50	90.00		TTH00098
154	Nguyễn Thị Xuân	Mai				28	1	1980	Triều Sơn Tây, phường An Hòa, thành phố Huế	Đại học Huế	Quản trị kinh doanh		TTH01453		VT	VT	VT		TTH00253
155	Trần Thị Hồng	Mến				14	7	1994	Thủy Phương, TX Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH01474		90.00	45.00	82.50		TTH00068
156	Phan Kiều	Miền				28	4	1992	Thôn Uất Mậu, thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH01480		60.00	77.50	77.50		TTH00340
157	Cao Thị Hoàng	Minh				10	6	1991	Xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán	Con TB	TTH01481	20	VT	VT	VT		TTH00076
158	Dương Quang	Minh	14	4	1986				Phú Thượng, Phú Vang, TT Huế	Trường Đại học Bách khoa TP HCM	Tài chính ngân hàng		TTH01483		65.00	65.00	85.00		TTH00081
159	Lê Đình Trà	Minh				8	10	1986	Thủy Phù, TX Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Vinh	Kế toán		TTH01488		VT	VT	MT		TTH00275
160	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	17	6	1992				Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Tài chính ngân hàng		TTH01497		45.00	31.25	80.00		TTH00003
161	Nguyễn Thị Thủy	Minh				6	1	1993	Thôn Đa Lê, xã Thủy Vân, Thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Huế	Song ngành Kinh tế nông nghiệp - Tài chính		TTH01501		VT	MT	VT		TTH00207
162	Phạm Ngọc Nhật	Minh				2	1	1992	Xã Hưng Xuân, Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế chính trị		TTH01502		50.00	31.25	37.50		TTH00286
163	Phan Nguyễn Hoàng	Minh	19	10	1989				Tùng Ảnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Học viện Hành chính Quốc gia	Tài chính ngân hàng		TTH01506		92.50	63.75	82.50		TTH00089
164	Nguyễn Diệu	My				20	7	1989	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH01522		57.50	MT	67.50		TTH00384
165	Trương Thị Hà	My				14	8	1985	Thủy Vân, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Học viện HCQG	Tài chính Ngân hàng		TTH01533		VT	VT	VT		TTH00297
166	Nguyễn Đắc Hoài	Nam	29	8	1991				Phong Chương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH01554		VT	VT	VT		TTH00337
167	Nguyễn Hữu Thành	Nam	29	10	1988				Quảng Vinh, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH01556		40.00	22.50	MT		TTH00325
168	Nguyễn Hữu Thiện	Nam	28	5	1995				Phường Phú Nhuận, Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH01557		65.00	35.00	65.00		TTH00378
169	Trương Thành	Nam	19	7	1994				Quảng Phú- Quảng Điền- TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01568		52.50	48.75	55.00		TTH00074
170	Đặng Thị Phương	Nga				15	11	1987	Quảng An, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH01569		80.00	51.25	80.00		TTH00096
171	Lê Thị	Nga				16	12	1993	Đạ Lê, Thủy Vân, Hương Thủy, TT Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH01576		VT	VT	VT		TTH00150
172	Trần Thị Hằng	Nga				6	9	1990	Hương Phong, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh	Con TB	TTH01592	20	52.50	42.50	45.00		TTH00307
173	Trần Thị Thủy	Nga				25	8	1991	Phong Hòa, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Huế Khoa Du Lịch	Quản trị kinh doanh du lịch		TTH01594		70.00	67.50	45.00		TTH00052
174	Lê Thị Kim	Ngân				30	6	1989	Xã Phong Chương, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Luật Huế	Luật		TTH01610		62.50	62.50	60.00		TTH00270
175	Mac Thị Kim	Ngân				12	6	1991	Tổ 8, Triều Sơn Đông, Hương Vinh, Hương Trà, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH01615		VT	VT	VT		TTH00377
176	Mai Thị Kim	Ngân				25	10	1989	Xuân Hòa, Hương Long, TP Huế	Đại học dân lập Duy Tân	Kế toán kiểm toán		TTH01616		VT	VT	VT		TTH00388
177	Trần Thị Từu	Nghi				27	1	1994	Phú Hồ, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	ĐH Luật Huế	Luật hợp đồng		TTH01637		VT	VT	VT		TTH00216
178	Trương Quang Vinh	Nghi	5	7	1986				Phú Thượng, Phú Vang, TT Huế	ĐHKT Huế	Ngân hàng		TTH01638		67.50	38.75	MT		TTH00001

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
179	Đào Thị Thiên	Ngọc				4	1	1992	Thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính - Ngân Hàng		TTH01646		VT	VT	VT		TTH00140
180	Lê Thị	Ngọc				20	2	1993	Hương Vân, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính - Ngân Hàng		TTH01654		55.00	27.50	40.00		TTH00135
181	Nguyễn Phước Mai	Ngọc				4	9	1994	Hương Hồ, Hương trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH01663		82.50	63.75	75.00		TTH00080
182	Nguyễn Thị	Ngọc				20	7	1991	Hương Toàn, Hương Trà, Thừa thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH01664		VT	VT	VT		TTH00317
183	Nguyễn Thị Bích	Ngọc				10	1	1989	Phan Xá, Xuân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Học viện hành chính quốc gia	Tài chính ngân hàng		TTH01670		60.00	47.50	82.50		TTH00188
184	Nguyễn Thị Như	Ngọc				20	8	1993	Vĩnh Hiền, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Trường đại học Luật- Đại học Huế	Luật dân sự		TTH01676		70.00	35.00	75.00		TTH00292
185	Phạm Thị Thanh	Ngọc				8	8	1979	Bình Minh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		TTH01678		VT	VT	VT		TTH00338
186	Lê Thị	Nguyễn				26	3	1991	Đa Lê, Thủy văn, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Quản trị tài chính		TTH01701		VT	VT	VT		TTH00151
187	Lê Thị Thảo	Nguyễn				3	11	1992	Quảng Thọ, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Luật TP HCM	Luật hành chính		TTH01703		45.00	33.75	55.00		TTH00057
188	Nguyễn Ngọc	Nguyễn	24	3	1995				xã Phong Bình, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01704		VT	VT	VT		TTH00403
189	Phạm Thị Hạnh	Nguyễn				20	1	1995	Tứ Hạ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01707		75.00	50.00	85.00		TTH00401
190	Văn Hồng	Nguyễn	8	6	1995				Lộc Tiến, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH01714		VT	VT	VT		TTH00394
191	Hoàng Thị	Nhã				15	11	1990	Thị trấn Sịa, Quảng Điền, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính Ngân hàng		TTH01726		77.50	55.00	85.00		TTH00284
192	Nguyễn Thị Phương	Nhã				1	2	1994	Xã Sơn Trạch, Huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH01728		VT	VT	VT		TTH00158
193	Huỳnh Thị Thủy	Nhâm				21	10	1991	Thị trấn Phú Lộc, huyện Phú lộc, tỉnh TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01729		97.50	46.25	92.50		TTH00079
194	Tôn Nữ Thanh	Nhân				18	9	1989	Lương Quán, Thủy Biều, TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH01741		85.00	53.75	MT		TTH00109
195	Đặng Phước	Nhân				4	7	1988	Thạch Cấn, Phú Dương, Phú vang, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01744		VT	VT	VT		TTH00374
196	Nguyễn Hạnh	Nhân				8	12	1994	Đồng Lễ, Đồng Hà, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH01748		55.00	55.00	47.50		TTH00313
197	Dương Tinh	Nhật				9	12	1985	Xuân Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị Kinh doanh		TTH01757		80.00	66.25	82.50		TTH00176
198	Nguyễn Thị Minh	Nhật				17	11	1991	Yên Thọ, Ý Yên, tỉnh Nam Định	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán	Con TB	TTH01763	20	35.00	20.00	40.00		TTH00029
199	Châu Lê Yến	Nhi				22	10	1988	Hương Phong, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Tài chính ngân hàng		TTH01766		45.00	35.00	32.50		TTH00044
200	Châu Thị Cẩm	Nhi				25	8	1982	Lộc Bồn, Phú Lộc, TT Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH01767		90.00	70.00	80.00		TTH00287
201	Đặng Thị Ngọc	Nhi				27	2	1993	Quản Phú, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Khoa Du Lịch-Đại học Huế	Quản trị kinh doanh du lịch		TTH01768		VT	VT	VT		TTH00023
202	Đoàn Thị Yến	Nhi				21	4	1991	Phú An, Phú Vang, TT- Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01770		VT	VT	VT		TTH00282
203	Nguyễn Hoàng Anh	Nhi				18	11	1988	Thủy Vân, Thị xã Hương Thủy, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị Kinh doanh		TTH01775		62.50	MT	57.50		TTH00218
204	Trần Hà Hoài	Nhi				15	11	1987	Vĩnh Hòa, Vĩnh Linh, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH01784		VT	VT	VT		TTH00108
205	Trần Thị Hoài	Nhi				27	1	1994	Quảng Điền, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH01786		42.50	23.75	37.50		TTH00322
206	Trần Thị Hoài	Nhi				10	9	1992	An Hòa, TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị Kinh doanh thương mại		TTH01785		45.00	58.75	47.50		TTH00174
207	Trần Thị Hồng	Nhi				20	5	1991	An Cựu, Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học dân lập Phú Xuân	Quản trị kinh doanh		TTH01787		55.00	43.75	75.00		TTH00193
208	Trần Thị Ý	Nhi				5	7	1993	Phú Đa, Phú vang, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH01790		57.50	33.75	45.00		TTH00336
209	Cao Xuân Hồng	Nho				25	10	1991	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH01795		VT	VT	VT		TTH00315
210	Trần Đình	Nhơn	8	1	1986				Điền Hương,Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		TTH01797		40.00	27.50	50.00		TTH00361

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
211	Nguyễn Thị Phương	Nhung				1	8	1993	Quảng Trach, Quảng Bình	Đại học Dân lập Phú Xuân	Tài chính - Ngân Hàng		TTH01841		50.00	MT	75.00		TTH00137
212	Nguyễn Thị Thủy	Nhung				14	12	1992	Phong Hòa, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		TTH01842		97.50	63.75	80.00		TTH00063
213	Văn Thị Hồng	Oanh				10	10	1985	Quảng Thái, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		TTH01910		45.00	22.50	65.00		TTH00043
214	Bùi Xuân	Phong	25	7	1994				An Thủy- Lệ Thủy- Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Thống kê kinh doanh		TTH01917		77.50	32.50	92.50		TTH00078
215	Lê Quốc	Phong	7	2	1990				Phong Hòa, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính Ngân hàng		TTH01918		VT	VT	VT		TTH00358
216	Phan Văn	Phú	12	11	1991				Phú Dương, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH01927		55.00	41.25	60.00		TTH00249
217	Võ Thị Thu	Phúc				3	11	1981	Hương Long, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH01935		80.00	MT	MT		TTH00139
218	Trần Thị Nhượng	Phụng				20	5	1981	Phú Thuận - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	Đại học Nha Trang	Kế toán		TTH01939		VT	VT	VT		TTH00126
219	Hà	Phượng				29	10	1994	Hoà Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH01958		VT	VT	VT		TTH00002
220	Ngô Thị Thủy	Phượng				31	5	1994	Quảng Phước, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH01973		45.00	66.25	72.50		TTH00132
221	Nguyễn Lê Nam	Phượng				10	2	1993	Hương Vinh, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH01975		65.00	75.00	77.50		TTH00053
222	Nguyễn Thành	Phượng	21	12	1991				Quần Tân, Quảng Trạch, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Tin học kinh tế		TTH01976		100.00	80.00	82.50		TTH00042
223	Nguyễn Thị Uyên	Phượng				27	9	1994	Kim Long, Tp Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kiểm toán		TTH02000		55.00	41.25	70.00		TTH00105
224	Phạm Hoàng Mỹ	Phượng				16	2	1995	Hương Phong, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH02002		60.00	65.00	62.50		TTH00404
225	Phan Thị Thanh	Phượng				3	3	1992	Mậu Tài, Phú Mậu, Phú Vang, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH02011		62.50	42.50	67.50		TTH00075
226	Phạm Thị Hoa	Phượng				18	11	1983	Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán	Con TB	TTH02037	20	20.00	45.00	MT		TTH00370
227	Đinh Văn Nhật	Quang	28	12	1993				Phường Hương Vãn, Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Huế	Kinh tế		TTH02053		55.00	41.25	70.00		TTH00254
228	Ngô Đức	Quang	4	2	1984				An Dương, Phú Thuận, Phú vang, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02054		VT	VT	VT		TTH00252
229	Nguyễn Nhật	Quang	21	10	1993				Vinh Hiền, Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Đông Á	Kế toán		TTH02055		52.50	36.25	55.00		TTH00093
230	Lê Thị	Quy				20	9	1991	Trà Lộc, Hải Xuân, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học kinh tế - Luật	Tài chính ngân hàng		TTH02061		67.50	52.50	60.00		TTH00187
231	Hoàng Thị	Quỳnh				10	10	1992	Ngư Thủy Nam, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02099		97.50	47.50	80.00		TTH00113
232	Hoàng Thị Vinh	Quỳnh				1	11	1992	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Luật -ĐH Huế	Luật Kinh tế		TTH02100		72.50	60.00	72.50		TTH00214
233	Lê Như Diễm	Quỳnh				4	4	1987	Phú Diên, Phú Vang, TT- Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH02101		55.00	45.00	62.50		TTH00349
234	Nguyễn Phước Khánh	Quỳnh				25	7	1987	Phú Hiệp, TP Huế	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		TTH02107		65.00	60.00	30.00		TTH00046
235	Nguyễn Thị Như	Quỳnh				28	1	1994	Tân Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	ĐH Luật	Luật hình sự		TTH02116		87.50	58.75	50.00		TTH00022
236	Nguyễn Thị Như	Quỳnh				19	9	1987	Phong Chương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02112		57.50	48.75	55.00		TTH00148
237	Phạm Thị Diễm	Quỳnh				4	7	1991	Điện Hòa, Điện Bàn, Quảng Nam	ĐHKT Huế	Quản lý kinh tế		TTH02122		65.00	46.25	47.50		TTH00004
238	Phạm Thị Như	Quỳnh				27	7	1990	Phong An, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học duy tân	Kế toán - Kiểm toán		TTH02123		VT	VT	VT		TTH00351
239	Trần Lê Nhật	Quỳnh				22	1	1991	Quảng An, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Luật Kinh doanh		TTH02127		92.50	53.75	82.50		TTH00145
240	Nguồn Văn	Rin	20	3	1988				Thượng 3, Thủy Xuân, TP Huế	ĐH Luật Huế	Luật		TTH02132		82.50	35.00	82.50		TTH00030

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
241	Lê Thị Thanh	Sang				26	3	1991	Xóm 4, thôn Khuông Phồ, xã Quảng phước, huyện Quảng Điền, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02139		45.00	40.00	50.00		TTH00281
242	Nguyễn Thị	Sinh				10	10	1990	Triệu Đông, Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02146		65.00	68.75	75.00		TTH00110
243	Phan Thị Kim	Sinh				9	11	1986	Xuân Hòa, Hương Long, TP Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH02147		35.00	MT	62.50		TTH00033
244	Cải Viết	Sở	15	12	1990				Phường Thủy Xuân, TP Huế	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		TTH02149		50.00	31.25	72.50		TTH00008
245	Nguyễn Trường	Sơn	23	10	1988				Thủy Phương, TX Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh tổng hợp		TTH02156		80.00	73.75	67.50		TTH00064
246	Nguyễn Thị Thu	Sương				8	12	1992	Đức minh, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế chính trị		TTH02168		72.50	48.75	52.50		TTH00240
247	Hà Thị Thủy	Tâm				15	10	1995	Hương Chữ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán-Kiểm toán		TTH02181		82.50	67.50	80.00		TTH00395
248	Nguyễn Thị Phương	Tâm				1	1	1992	Phú Dương, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH02199		45.00	42.50	57.50		TTH00295
249	Cao Thị Đan	Thanh				19	8	1984	Quảng Thọ, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Phú Xuân Huế	Kế toán		TTH02248		42.50	32.50	47.50		TTH00257
250	Hồ Hải	Thanh				8	9	1985	Bảo Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán	Con TB	TTH02254	20	55.00	35.00	57.50		TTH00229
251	Huỳnh Thị Thu	Thanh				27	8	1991	Lộc Trì, Phú Lộc, TP Huế	Đại học Văn Lang	Quản trị kinh doanh	Con TB	TTH02256	20	60.00	48.75	65.00		TTH00323
252	Lê Thị Phương	Thanh				3	1	1991	Quảng Lộc, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán-Kiểm toán		TTH02258		62.50	48.75	67.50		TTH00164
253	Lê Thị Thu	Thanh				15	10	1993	An Đông, TP Huế	ĐH ngoại thương TP HCM	Kinh tế đối ngoại		TTH02259		VT	VT	VT		TTH00346
254	Nguyễn Xuân	Thanh	17	2	1994				Vinh Hiền, Phú Lộc, TP Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH02269		VT	VT	VT		TTH00048
255	Phan Thy Diệu	Thanh				14	4	1991	Hương Long, TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02273		VT	VT	VT		TTH00320
256	Võ Xuân	Thành	26	3	1981				Phường An Đông, thành phố Huế	Đại học kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02297		55.00	38.75	45.00		TTH00255
257	Vương Đình	Thành	20	11	1995				Lộc Thủy, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH02298		57.50	47.50	75.00		TTH00298
258	Đặng Thị Phương	Thảo				28	8	1988	Công Thành, Phong Sơn, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH02305		80.00	53.75	67.50		TTH00192
259	Hoàng Lê Phương	Thảo				15	7	1994	Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH02318		VT	VT	VT		TTH00311
260	Lê Nữ Thanh	Thảo				1	7	1994	Quảng Thái, Quảng Điền, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH02325		VT	VT	VT		TTH00263
261	Lê Thị Bích	Thảo				28	5	1988	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		TTH02330		85.00	68.75	77.50		TTH00142
262	Lê Thị Thu	Thảo				29	9	1991	Hải Thiện, Hải Lăng, Quảng Trị	Đại học Kinh tế Huế	Song ngành kinh tế nông nghiệp - Tài chính		TTH02336		VT	MT	VT		TTH00330
263	Mai Thị Thu	Thảo				15	10	1993	Vinh Mỹ, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	ĐH tài chính marketing	Kế toán ngân hàng		TTH02343		87.50	53.75	77.50		TTH00066
264	Nguyễn Thị Bích	Thảo				1	1	1989	Lộc Bồn, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học dân lập Phú Xuân	Tài chính ngân hàng		TTH02355		VT	VT	VT		TTH00291
265	Nguyễn Thị Dạ	Thảo				18	11	1990	Thủy Biều, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH02356		VT	VT	VT		TTH00355
266	Nguyễn Thị Phương	Thảo				26	10	1993	Xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Tin học kinh tế		TTH02360		57.50	46.25	42.50		TTH00104
267	Nguyễn Thị Thu	Thảo				13	6	1992	Giao Lâm, Giao Thủy, Ninh Bình	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán		TTH02372		VT	VT	VT		TTH00308
268	Nguyễn Thị Thu	Thảo				5	1	1983	Thôn Thuận Hòa, xã Hương Phong, Thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Huế	Quản trị kinh doanh		TTH02367		85.00	51.25	70.00		TTH00131
269	Trần Thị Phương	Thảo				13	10	1994	Lai Thế, Phú Thượng, Phú vang, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH02393		VT	VT	VT		TTH00261
270	Trần Thị Phương	Thảo				15	11	1984	Phong Chương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân Hàng		TTH02389		90.00	50.00	62.50		TTH00152

ng

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV ư CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
271	Trịnh Thị	Thảo				6	10	1983	Hà Vinh, Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học kinh tế Huế	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	Con TB	TTH02395	20	90.00	51.25	67.50		TTH00208
272	Trịnh Thị Thu	Thảo				16	11	1993	Quảng Vinh, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02399		92.50	61.25	70.00		TTH00059
273	Võ thị Hương	Thảo				2	12	1994	Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02400		92.50	60.00	85.00		TTH0018
274	Huỳnh Thị Quỳnh	Thị				24	8	1991	Hương Vinh, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH02410		VT	VT	VT		TTH00209
275	Nguyễn Thị Anh	Thị				23	7	1993	Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	TTH02413	20	VT	VT	VT		TTH00375
276	Hoàng Thị	Thiện				12	6	1989	Hương Chữ, Hương Trà, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH02419		70.00	58.75	70.00		TTH00334
277	Đặng Duy	Thọ	22	9	1987				Thuận Hòa, Hương Phong, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh du lịch		TTH02444		85.00	43.75	62.50		TTH00226
278	Ngô Thị Kim	Thoa				19	10	1992	Thủy Thanh, Hương Thủy, TP Huế	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	Kiểm toán		TTH02452		97.50	72.50	85.00		TTH00009
279	Phạm Thị	Thơm				10	10	1991	Hương Hồ, Thị xã Hương Trà, tỉnh TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		TTH02459		VT	VT	VT		TTH00220
280	Lê Thị Hoài	Thu				2	3	1990	Phong An, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế-Kế hoạch-Đầu tư	Con TB	TTH02473	20	80.00	50.00	70.00		TTH00097
281	Thái Thị	Thu				24	6	1987	Diễn Phong, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH02486		75.00	MT	82.50		TTH00091
282	Trần Thị Diệu	Thu				20	8	1991	Hương Long, TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02489		VT	VT	VT		TTH00321
283	Dương Thị Hạnh	Thư				20	2	1986	Hương Xuân, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Khoa Học Huế	Tin học		TTH02493		80.00	50.00	MT		TTH00138
284	Lê Nguyễn Diễm	Thư				1	5	1991	Phủ Diên, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Huế	Quản trị kinh doanh		TTH02498		42.50	40.00	42.50		TTH00339
285	Lê Thị Anh	Thư				19	9	1991	Phủ Diên, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Trường ĐH Kinh tế TP HCM	Kinh tế phát triển		TTH02499		77.50	71.25	77.50		TTH00024
286	Phan Thị Anh	Thư				3	5	1993	Thành phố Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán- Kiểm toán		TTH02508		VT	VT	VT		TTH00293
287	Lê Đình	Thuận	10	12	1994				Thủy Thanh, Hương Thủy, TP Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02519		100.00	53.75	80.00		TTH00016
288	Đặng Thị Ngọc	Thúy				11	8	1990	Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	ĐH Luật TP HCM	Luật quốc tế		TTH02567		VT	VT	VT		TTH00372
289	Dương Ngọc	Thúy				3	6	1989	Đồng Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		TTH02569		82.50	62.50	77.50		TTH00290
290	Hồ Thị	Thúy				4	5	1989	Phong An, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		TTH02570		57.50	35.00	55.00		TTH00205
291	Phan Thị Thanh	Thúy				12	10	1991	106 Võ Trác, P Thủy Châu, TX Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH02594		VT	VT	VT		TTH00288
292	Võ Thị	Thúy				1	3	1991	Thủy Châu, TX Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Hồ Chí Minh	Kế toán		TTH02601		87.50	42.50	77.50		TTH00036
293	Hồ Thị Thanh	Thúy				6	1	1993	Xã Phong An, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		TTH02624		VT	VT	VT		TTH00173
294	Lê Hoàng Thu	Thúy				31	8	1994	Thủy Dương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Luật- ĐH Huế	Luật tổ chức kinh doanh		TTH02628		65.00	47.50	65.00		TTH00144
295	Nguyễn Thị Hồng	Thúy				19	11	1992	Cánh Dương, Quảng Trạch, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH02644		VT	VT	VT		TTH00012
296	Nguyễn Thị Lê	Thúy				28	8	1991	Quảng Phương, Quảng Trạch, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Kế hoạch đầu tư		TTH02647		100.00	68.75	87.50		TTH00025
297	Nguyễn Thị Thanh	Thúy				14	10	1988	Phủ Lương, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		TTH02651		45.00	47.50	52.50		TTH00163
298	Trần Thị Thanh	Thúy				19	10	1991	Quảng Thái, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán- Kiểm toán		TTH02666		VT	VT	VT		TTH00391
299	Đặng Thị Uyên	Thy				26	3	1989	Quảng Lợi, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH02409		VT	VT	VT		TTH00274
300	Lê Thị Thảo	Tiên				24	4	1993	Phong Chương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH02673		VT	VT	VT		TTH00289

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NV ư CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
301	Lê Thị Thủy	Tiên				25	7	1994	Điền Hải, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Tài chính		TTH02677		VT	VT	VT		TTH00324
302	Nguyễn Thị Cát	Tiên				24	8	1993	Thủy Vân, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH02679		97.50	36.25	42.50		TTH00021
303	Phạm Thị Mỹ	Tĩnh				3	8	1990	Sơn Ninh, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Đại học Nông Lâm Huế	Bảo vệ thực vật		TTH02705		57.50	61.25	70.00		TTH00095
304	Vương Thanh	Tĩnh				12	5	1989	Phủ Đa, Phú Vang, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH02708		VT	VT	VT		TTH00356
305	Bùi Lê Anh	Toàn	25	6	1989				Đồng Lĩnh, Đồng Sơn, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính Ngân hàng		TTH02710		47.50	32.50	MT		TTH00303
306	Võ Huy	Toàn	4	6	1987				Phủ Thượng, Phú vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH02716		67.50	36.25	62.50		TTH00168
307	Nguyễn Thị Hương	Trà				15	10	1985	Vĩnh Thủy, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Trường Đại học Ngoại ngữ Huế	Sư phạm tiếng Pháp		TTH02724		87.50	MT	77.50		TTH00092
308	Trương Thị Hương	Trà				5	11	1990	Điền hải, Phong Điền, TT Huế	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		TTH02734		VT	VT	VT		TTH00143
309	Bùi Thị Quỳnh	Trâm				24	6	1993	Phong Sơn, Phong Điền, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH02735		55.00	47.50	57.50		TTH00310
310	Huỳnh Thị Bảo	Trâm				15	10	1990	Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh marketing		TTH02737		60.00	50.00	60.00		TTH00250
311	Lê Hoàng Bảo	Trâm				16	7	1993	An vân, Hương An, Hương Trà, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính Ngân hàng		TTH02739		VT	VT	VT		TTH00265
312	Nguyễn Vũ Thanh	Trâm				28	8	1992	Phường Đức, Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Tài chính - Ngân Hàng		TTH02750		55.00	47.50	52.50		TTH00103
313	Nguyễn Nam	Trân				9	4	1995	Phủ Lương, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		TTH02762		85.00	66.25	70.00		TTH00276
314	Nguyễn Trần Nguyên	Trân				21	11	1988	Quảng Lộc, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán - Kiểm toán		TTH02763		92.50	68.75	82.50		TTH00019
315	Đỗ Thị Huyền	Trang				16	11	1994	Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		TTH02778		VT	VT	VT		TTH00127
316	Lê Thị Thủy	Trang				7	2	1992	Quảng Hòa, Ba Đồn, Quảng Bình	ĐH Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH02810		57.50	67.50	65.00		TTH00011
317	Nguyễn Thị Đoan	Trang				2	5	1993	Phường Thủy Châu, Thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH02831		VT	VT	VT		TTH00279
318	Nguyễn Thị Mỹ	Trang				1	1	1993	Phủ Hiệp, TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH02841		47.50	56.25	77.50		TTH00084
319	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang				6	11	1992	Thành phố Huế	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH02844		VT	VT	VT		TTH00083
320	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang				9	5	1992	Thanh Khê, Bồ Trach, Quảng Bình	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH02845		VT	VT	VT		TTH00357
321	Nguyễn Thị Thu	Trang				4	4	1994	Vũ Đoài, Vũ Thư, Thái Bình	Đại học Luật Huế	Luật tổ chức kinh doanh		TTH02851		75.00	77.50	80.00		TTH00133
322	Nguyễn Thị Thùy	Trang				16	11	1993	Phường Hương Xuân, TX Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kinh tế tài nguyên và môi trường		TTH02856		42.50	32.50	45.00		TTH00013
323	Nguyễn Thùy	Trang				11	2	1985	Hải Dương, Hương Trà, TT Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH02860		85.00	40.00	67.50		TTH00359
324	Trần Thị Diệu	Trang				2	8	1985	Quảng Thái, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		TTH02892		27.50	27.50	37.50		TTH00155
325	Hà Thúc Minh	Trí	12	8	1994				Phường Hương Chữ, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế Đầu tư		TTH02921		65.00	47.50	67.50		TTH00154
326	Nguyễn Thị Mỹ	Trình				29	3	1990	Vĩnh Mỹ, Phú Lộc, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán		TTH02945		70.00	35.00	55.00		TTH00166
327	Trần Ngọc	Trọng	7	10	1992				TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh	Con NĐKC bị NĐHH	TTH02956	20	60.00	37.50	57.50		TTH00266
328	Lê Văn	Trung	4	7	1989				TP Huế	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tài chính Ngân hàng		TTH02962		VT	VT	VT		TTH00177
329	Dương Thị Ngọc	Tú				1	5	1985	Xóm An Tiên, Xã Xuân Giang, Huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học kinh tế quốc dân	Tái chính doanh nghiệp		TTH02978		VT	VT	VT		TTH00225
330	Lê Thị Cẩm	Tú				14	9	1993	Diễn Yên, Diễn Châu, Nghệ An	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH02981		VT	VT	VT		TTH00114
331	Ngô Ngọc Cẩm	Tú				2	6	1995	Phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH02984		85.00	50.00	47.50		TTH00400

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
332	Trần Quốc	Tuấn	29	4	1992				Phong Chương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Đông Á	Kế toán	Con TB	TTH03014	20	42.50	31.25	32.50		TTH00017
333	Trần Văn	Tuấn	7	8	1990				An Cựu, Thừa Thiên Huế	ĐH Luật	Luật		TTH03015		VT	VT	VT		TTH00045
334	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết				24	7	1991	Hương Khê, Hà Tĩnh	Đại học dân lập Phú Xuân	Tài chính ngân hàng		TTH03047		75.00	33.75	65.00		TTH00271
335	Trương Thị Ánh	Tuyết				10	9	1987	Quảng Phú, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH03052		VT	VT	VT		TTH00030
336	Đặng Duy	Tý	11	11	1985				Hương Phong, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán Doanh nghiệp		TTH03054		72.50	38.75	65.00		TTH00157
337	Đoàn Thị Cẩm	Vân				30	12	1988	Đức Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH03076		60.00	26.25	45.00		TTH00118
338	Lê Thảo	Vân				20	2	1992	Xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Tài chính Ngân hàng		TTH03080		VT	VT	VT		TTH00304
339	Phan Thị Hồng	Vân				1	1	1985	Hương Phong, TX Hương Trà, TT Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kinh tế		TTH03104		45.00	37.50	57.50		TTH00360
340	Trần Thị Khánh	Vân				1	9	1991	Mai Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế		TTH03107		75.00	61.25	55.00		TTH00345
341	Trần Triệu	Vân				26	1	1992	Hương Toàn, Hương Trà, TT Huế	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH03109		62.50	55.00	62.50		TTH00121
342	Hoàng Thị Tường	Vi				12	1	1994	Tứ Hạ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Đại học Luật Huế	Luật		TTH03114		47.50	40.00	50.00		TTH00195
343	Vương Thị Hoàng	Vi				26	3	1991	TP Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán kiểm toán		TTH03128		87.50	68.75	72.50		TTH00088
344	Huỳnh Đức	Viết	5	11	1989				Nam Thương, Phú Thương, Phú Vang, TP Huế	ĐH Kinh tế Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH03136		55.00	31.25	52.50		TTH00007
345	Nguyễn Văn	Viết	26	1	1981				Lương Tài, Văn Lâm, Hưng Yên	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		TTH03144		75.00	30.00	57.50		TTH00112
346	Cao Thế	Vũ	12	5	1991				Nam Giảng, Quảng Thái, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Luật - Đại học Huế	Luật hành chính		TTH03160		40.00	60.00	37.50		TTH00102
347	Nguyễn Anh	Vũ	14	11	1984				Hương Long, Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kế toán Doanh nghiệp		TTH03167		VT	VT	VT		TTH00160
348	Hoàng Thị Lan	Vy				19	10	1992	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH03182		87.50	33.75	75.00		TTH00200
349	Nguyễn Thị Thủy	Vy				24	2	1990	Thủy Phú, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Tài chính ngân hàng		TTH03188		92.50	73.75	77.50		TTH00054
350	Trần Ngô Nữ Hậu	Vỹ				9	11	1993	Thuận Lộc, TP Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH03196		75.00	67.50	70.00		TTH00051
351	Hoàng Thị Thanh	Xuân				19	4	1987	Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Học viện Hành chính Quốc gia	Tài chính ngân hàng	Con TB	TTH03204	20	45.00	40.00	67.50		TTH00221
352	Nguyễn Thị Thanh	Xuân				25	12	1992	Phong Hòa, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Tài chính Ngân hàng		TTH03208		40.00	31.25	35.00		TTH00312
353	Nguyễn Thị Thanh	Xuân				22	2	1986	Phong Chương, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Huế	QTKD Thương mại		TTH03207		42.50	35.00	55.00		TTH00227
354	Ngô Thị	Xuyến				3	12	1991	Phe Tư, Phong Sơn, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		TTH03214		70.00	68.75	72.50		TTH00018
355	Nguyễn Thị Như	Ý				8	8	1985	Hương Long, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		TTH03216		VT	VT	MT		TTH00305
356	Đỗ Thị	Yến				18	8	1994	Hàm Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	Luật Kinh tế		TTH03231		35.00	17.50	70.00		TTH00141
357	Mai Thị Hải	Yến				24	11	1989	An Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh		TTH03240		VT	VT	VT		TTH00258
358	Nguyễn Thị Phương	Yến				14	9	1990	Ngũ Đồng, Thủy An, Huế	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		TTH03257		VT	VT	VT		TTH00067
359	Trần Thị	Yến				3	10	1993	Kỳ Phong, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế Huế	Quản trị Kinh doanh tổng hợp		TTH03265		42.50	36.25	52.50		TTH00248
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Nguyễn Tuấn	Anh	17	9	1991				Xã Sơn Trạch, Huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Đại học Khoa Học Huế	Công nghệ phần mềm		TTH03270		57.50	35.00			TTH00124
2	Hoàng Trọng Kim	Hoàng	1	11	1991				Phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học khoa học Huế	Khoa học máy tính	HTNVQS	TTH03288	10	47.50	22.50			TTH00197

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Nguyễn Hữu Anh	Khoa	24	8	1984				Phong Bình, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Khoa học Huế	Công nghệ thông tin		TTH03294		62.50	MT			TTH00296
4	Nguyễn Văn	Lâm	27	9	1993				Vĩnh Giang, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	CNTT		TTH03295		60.00	35.00			TTH00027
5	Huỳnh	Long	20	8	1990				Quảng Điền, TT- Huế	Đại học Khoa học Huế	Điện tử viễn thông		TTH03297		VT	VT			TTH00264
6	Hồ Đăng	Thắng	30	12	1990				Quảng Phước- Quảng Điền- TT Huế	Đại học Khoa học Huế	Công nghệ thông tin		TTH03315		65.00	35.00			TTH00082
7	Lê Quốc Bảo	Tĩnh	21	9	1990				Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học khoa học Huế	Khoa học máy tính		TTH03324		55.00	36.25			TTH00189
8	Hồ Đắc	Tuấn	13	8	1989				Phú An, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Đại học Khoa học tự nhiên	Công nghệ thông tin		TTH03330		VT	VT			TTH00327
9	Hoàng Mạnh	Tuấn	1	10	1990				Điền Hải, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	ĐH Khoa học Huế	Mạng và truyền thông		TTH03332		62.50	46.25			TTH00015
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	Hoàng Ngọc	Đức	10	8	1986				Phong Sơn, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Cao đẳng Công nghiệp Huế	Kế toán		TTH03353		48.00	22.00	48.00		TTH00191
2	Trần Thị Phương	Dung				4	11	1990	Quảng Ngạn, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Cao đẳng công nghiệp Huế	Kế toán		TTH03357		48.00	42.00	76.00		TTH00354
3	Lê Thị	Hạnh				10	11	1994	Xã Hồng Tiến, Thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Cao đẳng Sư phạm tỉnh Thừa Thiên Huế	Kế toán doanh nghiệp	DTTS	TTH03368	20	VT	VT	VT		TTH00146
4	Lê Văn	Huy	11	2	1992				La Chữ, Hương Chữ, Thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Trường Cao đẳng sư phạm Thừa Thiên Huế	Kế toán		TTH03379		44.00	26.00	44.00		TTH00172
5	Phan Phước	Huy	27	7	1993				Thị trấn Thuận An, Phú Vang, thừa thiên Huế	Cao đẳng sư phạm Huế	Kế toán		TTH03380		28.00	24.00	52.00		TTH00306
6	Trần Đình	Khuê	1	5	1991				Quảng Thọ, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Phú Xuân	Kế toán		TTH03385		VT	VT	VT		TTH00125
7	Phan Tổ Kim	Liên				15	2	1989	Xã Vĩnh Giang, huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Trường Cao đẳng Tài chính Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		TTH03387		84.00	52.00	80.00		TTH00100
8	Nguyễn Thị	Liên				3	9	1993	Niêm Phò, Quảng Thọ, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế Huế	Kinh tế NN-PTNT		TTH03388		VT	VT	VT		TTH00238
9	Nguyễn Nhật	Linh				19	2	1994	Thủy Xuân, Huế , Thừa Thiên Huế	Đại học kinh tế Huế	Ngân hàng		TTH03391		40.00	44.00	88.00		TTH00245
10	Trần Nhật	Minh	13	5	1993				Hàm Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Đại học Phú Xuân	Tài chính ngân hàng		TTH03401		VT	VT	VT		TTH00352
11	Đặng Văn	Mười	21	4	1992				Hương An, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Trường Cao đẳng sư phạm Thừa Thiên Huế	Kế toán		TTH03402		36.00	34.00	60.00		TTH00386
12	Lại Thị Kiều	Nhi				20	5	1985	Lộc An, Phú Lộc, TT Huế	Cao đẳng Công nghiệp Huế	Kế toán		TTH03410		40.00	24.00	56.00		TTH00335
13	Lê Hải Yến	Nhi				16	11	1994	Thôn 5, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Cao đẳng sư phạm Huế	Kế toán		TTH03411		20.00	36.00	60.00		TTH00186
14	Lê Thị Cẩm	Nhung				11	11	1993	Thủy Phù, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	Đại học Dân lập Phú Xuân	Kế toán		TTH03413		VT	VT	VT		TTH00318
15	Võ Thị Kiều	Oanh				27	8	1989	Vĩnh Xuân, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	CĐ Công nghiệp Huế	Kế toán		TTH03416		64.00	40.00	72.00		TTH00382
16	Lưu Đức	Phú	21	11	1991				Hạ Trạch, Bồ Trạch,Quảng Bình	Đại học Dân lập Phú Xuân	Tài chính Ngân hàng		TTH03418		VT	VT	VT		TTH00333
17	Trương Thị Nhật	Phương				3	6	1991	Phong Hiền, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	Cao Đẳng SP Huế	Kế toán		TTH03421		VT	VT	VT		TTH00368
18	Phan Gia Phước	Quý	16	6	1988				Quảng Phước, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Duy Tân	Kế toán		TTH03425		VT	VT	VT		TTH00028
19	Phạm	Quyết	6	2	1987				Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	Cao Đẳng SP Huế	Kế toán		TTH03426		44.00	32.00	80.00		TTH00005

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
20	Nguyễn Thị Tuyết	Sương				26	1	1995	An Đông, Tp Huế	Cao đẳng sư phạm Huế	Tài chính Ngân hàng		TTH03427		32.00	68.00	52.00		TTH00262
21	Trần Nguyễn Quỳnh	Tâm				1	5	1986	Xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình	Cao đẳng lương thực thực phẩm	Kế toán		TTH03428		48.00	54.00	68.00		TTH00343
22	Mai Thị Nhật	Tân				11	7	1994	Quảng phúc, Quảng Trạch, Quảng Bình	Cao đẳng Công nghiệp Huế	Kế toán	Con TB	TTH03429	20	60.00	48.00	64.00		TTH00224
23	Phạm Lê Thanh	Thanh				1	10	1992	Quảng Ngãi	Đại học Tài chính kế toán	Kế toán tổng hợp		TTH03431		36.00	34.00	60.00		TTH00165
24	Lê Thị	Thu				5	11	1989	Phủ Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Trung cấp Âu Lạc Huế	Kế toán doanh nghiệp		TTH03439		VT	VT	VT		TTH00026
25	Mai Thị Như	Thu				1	3	1993	Hải Thiện, Hải Lăng, Quảng Trị	Cao đẳng công nghiệp Huế	Kế toán		TTH03440		92.00	72.00	92.00		TTH00244
26	Đặng Thị Cẩm	Tú				1	1	1980	Phủ An, Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Trường Kế hoạch Kinh doanh	Kế toán		TTH03447		44.00	34.00	68.00		TTH00326
27	Phan Thị Thu	Vân				21	7	1985	Thị trấn Phú Lộc, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Trường Cao đẳng Tài chính Kế toán Quảng Ngãi	Kế toán Doanh nghiệp		TTH03452		40.00	52.00	68.00		TTH00159
28	Nguyễn Thục	Vy				27	6	1993	Thủy Vân, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	ĐH dân lập Phú Xuân Huế	Kế toán		TTH03455		40.00	32.00	68.00		TTH00204
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			
1	Nguyễn Thị	Bích				15	3	1987	Vinh Mỹ, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội	Lưu trữ học và QTVP		TTH03456		80.00	56.00	80.00		TTH00099
2	Lê Dương Kiều	Châu				24	2	1992	Quảng Phước, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Cao Đẳng SP	Quản trị văn phòng		TTH03457		VT	VT	VT		TTH00206
3	Nguyễn Thị Thu	Hằng				25	1	1984	Quảng Thọ, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	Đại học Đà Nẵng	Tin học văn thư lưu trữ		TTH03460		56.00	32.00	32.00		TTH00239
4	Nguyễn Thị Ái	Hiền				18	2	1987	Xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Cao đẳng Sư phạm tỉnh Thừa Thiên Huế	Quản trị văn phòng		TTH03461		64.00	32.00	72.00		TTH00072
5	Phan Thị Thanh	Nhân				4	5	1990	Hương chữ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	CĐSP Thừa Thiên Huế	Hành chính văn thư		TTH03475		60.00	38.00	68.00		TTH00259
6	Hoàng Phương Minh	Nhật				26	2	1990	Bảo Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	Cao đẳng Sư phạm tỉnh Thừa Thiên Huế	Quản trị văn phòng		TTH03476		VT	VT	VT		TTH00106
7	Võ Thị Diệu	Xuân				21	10	1990	Thủy Phương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	ĐH KH Xã Hội Nhân Văn	Lưu trữ học và quản trị văn phòng		TTH03491		76.00	40.00	84.00		TTH00065

ng